TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG CHÀ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30/3/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lò Văn Dinh.**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Khoàng Văn Hặc.**

2. Ông: **Nguyễn Khắc Thiện.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Phượng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M C tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện M C tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2020/HNGĐ-ST ngày 16/10/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐHPT-ST ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh G A T – Sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Bản T D, xã H L, huyện M C, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

- Bị đơn: Chị H T P – Sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Bản T D, xã H L, huyện M C, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/10/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn anh G A T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H T P sau khi tìm hiểu yêu thương nhau, anh chị muốn được xây dựng gia đình chung sống với nhau, anh chị báo cáo hai bên gia đình và được sự nhất trí của hai bên gia đình, anh chị tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tập quán của địa phương, về chung sống với nhau từ tháng 02/2002 cho đến ngày 27/5/2010 anh chị mới đến UBND xã H L, huyện M C, tỉnh Điện Biên đăng ký kết hôn với nhau, anh chị về chung sống và đăng ký kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Cuộc sống chung giữa vợ chồng hạnh phúc cho đến cuối năm 2016 đầu năm 2017 mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không đủ đất canh tác hàng năm thường xuyên thiếu lương thực, do đó anh phải đi tìm việc làm thuê, có lúc công việc làm thuê phải đi xa nhà không thể về nhà được anh phải ngủ lại mấy ngày hôm sau anh mới về nhà được từ đó chị P không hiểu thông cảm cho anh, nghi ngờ anh có quan hệ bên ngoài xã hội không lành mạnh, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến cuối năm 2017 chị P bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống, anh đã nhiều lần đi gọi chị P về nhà nhưng chị P không về đồng thời chị P cũng lại đi làm thuê, chị P đi làm thuê về nhà đến thăm con rồi về nhà bố mẹ đẻ của chị ở, đồng thời nói với anh giữa vợ chồng không còn tin tưởng nhau nữa thì yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với nhau. Anh chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay, hiện không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh thấy, anh không còn tình cảm vợ chồng với chị P nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy anh đề nghị Tòa án huyện M C giải quyết cho anh được ly hôn với chị H T P.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung, cháu G A L sinh ngày 07/11/2003 và cháu G T X sinh ngày 02/4/2007. Khi ly hôn anh có nguyện vọng là muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành vì từ ngày chị P bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở thì các cháu vẫn ở cùng với anh cho đến nay. Anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con cùng với anh.

- *Về tài sản:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn thường xuyên vắng mặt tại địa phương, tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn không đến làm việc. Nên không thể lấy ý kiến của bị đơn.

- Tại văn bản ý kiến của các cháu G A L, G T X gửi cho Tòa án trình bày, nguyện vọng của các cháu là sau khi bố mẹ ly hôn với nhau muốn được sống cùng với bố.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; của người tham gia tố tụng dân sự cơ bản đảm bảo đúng quy định. Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39/BLTTDS; Điều 8, Điều 9, Điều 51, 53, 54 và Điều 56, 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh G A T. Tuyên xử cho anh G A T được ly hôn với chị H T P. Giao các cháu G A L – sinh ngày 07/11/2003, G T X sinh ngày 02/4/2007 cho anh G A T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh T. Chị P có quyền gặp gỡ, thăm hỏi con không ai được cản trở.

Về án phí: Anh G A T là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, cần áp dụng Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh T là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con khi ly hôn, nguyên đơn và bị đơn cùng trú tại bản T D, xã H L, huyện M C, tỉnh Điện Biên. Vậy, Toà án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên khi Tòa án đến tống đạt các văn bản tố tụng cho chị P thì không gặp được chị P nên Tòa án không tống đạt trực tiếp được các Thông báo và Quyết định của Tòa án cho chị P, Tòa án đã tống đạt cho bố đẻ của chị P ông H C C, ông Chớ đều đã giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị P và đồng thời Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Chị H T P được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, anh G A T có mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị P theo quy định của pháp luật.

[2]. **Về nội dung vụ án**: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị P sau khi tìm hiểu yêu thương nhau, anh chị tiến tới hôn nhân về chung sống với nhau từ tháng 02/2002 cho đến ngày 27/5/2010 mới đến UBND xã H L, huyện M C, tỉnh Điện Biên đăng ký kết hôn với nhau. Việc anh chị về chung sống và đăng ký kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, tuân thủ các quy định của luật hôn nhân và gia đình. Vậy cuộc hôn nhân giữa anh T và chị P là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Cuộc sống chung của anh, chị hoà thuận, hạnh phúc chỉ được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống giữa vợ chồng không còn tin tưởng nhau bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi nhau. Đỉnh điểm cao nhất việc mâu thuẫn giữa vợ chồng là vào cuối năm 2016 đầu năm 2017 chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở, anh chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm mở phiên tòa, Tòa án không giao được các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án cho chị P, Tòa án đã giao toàn bộ các văn bản tố tụng đó cho bố của chị P là ông H C C và đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Ông H C C đã giao toàn bộ các văn bản tố tụng đó cho chị P nhưng chị P không gửi cho Tòa án văn bản nào ghi ý kiến của mình. Trong quá trình giải quyết Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân đồng thời lấy lời khai bố của chị P, ông H C C khai và trình bày lại lời trình bày của chị P: Hiện chị P cũng không còn tình cảm vợ chồng với anh T và đồng ý ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy hiện anh T và chị P không còn tình cảm vợ chồng với nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy, HĐXX cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T đối với chị P. Tuyên xử cho anh T được ly hôn với chị P là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh T và chị P có 02 con chung, cháu G A L sinh ngày 07/11/2003 và cháu G T X sinh ngày 02/4/2007. Sau khi ly hôn anh T có nguyện vọng là muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành vì hiện các cháu đang sống chung với anh T, anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con cùng với anh. Nguyện vọng của anh T phù hợp nguyện vọng của các cháu G A L, G T X là khi bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng được ở với anh T.

Xét nguyện vọng của các cháu G A L, G T X, nguyện vọng của anh T và hoàn cảnh hiện tại của các cháu, anh T. Do đó cần áp dụng các Điều 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, giao các cháu G A L sinh ngày 07/11/2003, G T X sinh ngày 02/4/2007 cho anh G A T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, chị H T P không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh T.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5]. Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6]. Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét và có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng cơ bản phù hợp theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

[7]. Về án phí: Anh G A T là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, cần áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

* Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

* Căn cứ vào Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh G A T. Anh G A T được ly hôn với chị H T P.

2.Về con chung: Giao các cháu G A L sinh ngày 07/11/2003, G T X sinh ngày 02/4/2007 cho anh G A T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Hạng Thi P được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và công nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh G A T.

* Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: anh Giàng có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 30/3/2021. Chị H T P vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- P.KT NV– THA TAND tỉnh ĐB;
- Viện kiểm sát huyện M C;
- Chi cục THADS huyện M C;
- UBND xã H L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lò Văn Dinh